

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2026/DS-ST
Ngày 06 - 02 -2026
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đặng Thị Thu
2. Bà Dương Thị Hồng Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2025/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2026/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển N. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Chức vụ: Tổng giám đốc. Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường G, thành phố Hà Nội - Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng N- Chi nhánh Bắc Q. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Văn Đ - Chức vụ: Giám đốc. Địa chỉ trụ sở: Số 37 đường H, xã H, tỉnh Quảng Trị. Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ Văn T – Chức vụ: Trưởng phòng kiểm tra, giám sát nội bộ Ngân hàng N, có mặt.

- Bị đơn:

1/ Bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (*nay là Thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Trị*). Bà H có mặt.

2/ Ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (*nay là xã Đ, tỉnh Quảng Trị*). Ông C có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện đề ngày 22/8/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:**

Năm 2017, vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C vay vốn tại Ngân hàng N với mục đích để đóng mới tàu cá và kinh doanh hàng thủy hải sản. Việc vay vốn được hai bên ký theo các Hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số: 259/2017/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2017 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo với số tiền vay là 5.200.000.000 đồng

(Bằng chữ: Năm tỷ, hai trăm triệu đồng chẵn). Thời hạn vay của hợp đồng tín dụng này là 08 năm (96 tháng) kể từ ngày 08/8/2017, lãi suất: 10%/năm, lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ. Định kỳ trả gốc và lãi là 03 tháng một lần, trả lãi vào ngày 30 của tháng đến hạn trả. Riêng kỳ hạn trả nợ lãi ngày 30/8/2020 chuyển sang kỳ hạn trả nợ mới là ngày 30/11/2020.

+ Hợp đồng tín dụng số: 1187/2018/HĐTD ngày 24 tháng 08 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo với số tiền vay là 1.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ đồng chẵn). Thời hạn vay của hợp đồng tín dụng này là theo chu kỳ sản xuất kinh doanh, dịch vụ và khả năng trả nợ của khách hàng nhưng tối đa không quá 10 tháng. Lãi suất: 9 %/năm, lãi suất cho vay cụ thể của mỗi lần giải ngân được ghi trên từng giấy nhận nợ. Định kỳ trả gốc và lãi là 03 tháng một lần.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng Ngân hàng N đã giải ngân cho bà Hoa, ông Chiến vay đủ số tiền theo các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên với tổng số tiền là: 6.200.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C đã trả được số tiền: 2.130.082.193 đồng; trong đó: Số tiền gốc đã trả: 1.300.000.000 đồng, số tiền lãi đã trả: 830.082.193 đồng.

Về tài sản đảm bảo của khoản vay: Toàn bộ nợ vay của bà H và ông C được thế chấp bảo đảm bằng các tài sản sau:

Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số: 259/2017/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2017 là: 01 Tàu cá vỏ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70347, số đăng ký QB - 92977 - TS do Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 17/7/2017 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 259A/2017/HĐTC ngày 07 tháng 08 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1875, quyền số 08 TP/CC - SCC/HĐGD ngày 07/8/2017, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng ngày 08 tháng 08 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 259/2018/HĐSĐBS - TC ngày 23 tháng 08 năm 2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 259D/2020/HĐSĐBS - HĐTC ngày 30 tháng 11 năm 2020.

Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số: 1187/2018/HĐTD ngày 24 tháng 08 năm 2018 là: 01 bất động sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1187/2018/HĐTC ngày 24 tháng 08 năm 2018 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 1187/2018/VBTT ngày 24 tháng 08 năm 2018. Cụ thể: Thửa đất số 379, tờ bản đồ 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: BV362342, số vào sổ CH01060 do Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 24/3/2015, mang tên ông Nguyễn Văn Chiến – Bà Nguyễn Thị H; Địa chỉ thửa đất tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1187/2018/HĐTC ngày 24 tháng 08 năm 2018 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 2736, quyền số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2018, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 24/8/2018.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N nên khoản vay của ông, bà đã quá hạn từ ngày 11/3/2021 và hiện đang là nợ xấu. Ngân hàng N đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc và tạo điều kiện để bà H, ông C trả nợ nhưng ông, bà vẫn không thanh toán được

nợ gốc, nợ lãi theo quy định. Vì vậy, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến ngày 06/02/2026 là 9.698.374.459 đồng. Trong đó: Nợ gốc 4.900.000.000đ.

Nợ lãi theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 259/2017/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2017 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo:

- Nợ lãi trong hạn: 2.646.840.684đ.
- Nợ lãi quá hạn: 495.490.973đ.
- Nợ lãi chậm trả: 764.604.290đ.

Nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số: 1187/2018/HĐTD ngày 24 tháng 08 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo:

- Nợ lãi trong hạn: 594.840.411đ.
- Nợ lãi quá hạn: 222.770.890đ.
- Nợ lãi chậm trả: 73.827.211đ.

Tổng nợ lãi của hai hợp đồng tín dụng là:

- Nợ lãi trong hạn: 3.241.681.095đ.
- Nợ lãi quá hạn: 718.261.863đ.
- Nợ lãi chậm trả: 838.431.502đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (06/02/2026), bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến ngày thực tế trả hết nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu nôi nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho A thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Tại Bản tự khai ngày 30/10/2025, Biên bản hòa giải ngày 30/10/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà H thừa nhận việc ông, bà đã ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp với Ngân hàng N để vay vốn để đóng mới tàu cá và kinh doanh hàng thủy hải sản như trình bày của đại diện Ngân hàng N là đúng thực tế. Bà H thừa nhận dư nợ vay bao gồm nợ gốc và nợ lãi đến thời điểm Tòa án tiến hành hòa giải (ngày 30/10/2025) và tính đến tại phiên toà như yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đúng. Tuy nhiên, hiện tại việc thu lợi từ khai thác tàu cá gỗ đang gặp rất nhiều khó khăn, làm ăn thua lỗ, nguồn thu không đủ để trang trải chi phí và có dư để trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, bị đơn đề xuất Ngân hàng tạo điều kiện cho bị đơn sẽ sắp xếp thời gian sớm nhất để trả nợ cho Ngân hàng. Trường hợp phía bị đơn không có khả năng trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp 01 con tàu và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

Tại phiên toà bà H, ông C thừa nhận còn nợ Ngân hàng N số tiền cụ thể:

Nợ gốc 4.900.000.000đ.

Nợ lãi theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 259/2017/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2017 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo:

- Nợ lãi trong hạn: 2.646.840.684đ.
- Nợ lãi quá hạn: 495.490.973đ.
- Nợ lãi chậm trả: 764.604.290đ.

Nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số: 1187/2018/HĐTD ngày 24 tháng 08 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo:

- Nợ lãi trong hạn: 594.840.411đ.
- Nợ lãi quá hạn: 222.770.890đ.
- Nợ lãi chậm trả: 73.827.211đ.

Tổng nợ lãi của hai hợp đồng tín dụng là:

- Nợ lãi trong hạn: 3.241.681.095đ.
- Nợ lãi quá hạn: 718.261.863đ.
- Nợ lãi chậm trả: 838.431.502đ.

Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/11/2025 thể hiện: Hiện trạng thửa đất số 379, tờ bản đồ 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: BV362342, số vào sổ CH01060 do Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 24/3/2015, mang tên ông Nguyễn Văn C – Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Xã Đ, tỉnh Quảng Trị) giữ nguyên hiện trạng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, được thế chấp tại ngân hàng. Về tài sản gắn liền trên thửa đất có 01 ngôi nhà hai tầng xây dựng kiên cố, có mái che bán phần, tổng diện tích nhà là 112,6 m². Ngoài ra có một mái đồ bê tông phía trước nhà có diện tích 24,1 m² (Kèm theo Biên bản thẩm định ngày 21/11/2025 có một sơ đồ thửa đất).

Đối với tài sản thế chấp là động sản, cụ thể: 01 Tàu cá vỏ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70347, số đăng ký QB - 92977-TS do Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 17/7/2017 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 259A/2017/HĐTC ngày 07 tháng 08 năm 2017. Ngày 25/11/2025 Tòa án đã ban hành công văn số 2409/CV-TAKV1 và ngày 22/12/2025 Tòa án đã ban hành công văn số 2913 /CV-TAKV1 gửi Cảng Gianh, tỉnh Quảng Trị “*về việc cung cấp thông tin Cảng đăng ký neo đậu tàu thuyền ...*”. Ngày 25/12/2025, Cảng cá và đăng kiểm tàu cá thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Trị đã có công văn phúc đáp số 342/GM - BQLCCĐK có nội dung như sau: “*Hiện tại, tàu cá số đăng ký QB - 92977-TS, chủ tàu Nguyễn Văn Chiến, nơi thường trú: xã Đông Trạch, tỉnh Quảng Trị đang neo đậu tại Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Bắc Quảng Bình thuộc Ban Quản lý Cảng cá và Đăng kiểm tàu cá tỉnh Quảng Trị, địa chỉ tại xã Bắc Trạch, tỉnh Quảng Trị*”.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết các tranh chấp trong vụ án nhưng không thành. Ngân hàng N không chấp nhận phương án gia hạn thêm thời gian thanh toán nợ theo yêu cầu của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực I, tỉnh Quảng Trị phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 323, Điều 463, 465, 466, 468, 470 BLDS năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 100, 103, 107, 209, 210 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 06/02/2026 là 9.698.374.459 đồng. Trong đó: Nợ gốc 4.900.000.000đ.

Nợ lãi theo hợp đồng Hợp đồng tín dụng số: 259/2017/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2017 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo:

- Nợ lãi trong hạn: 2.646.840.684đ.
- Nợ lãi quá hạn: 495.490.973đ.
- Nợ lãi chậm trả: 764.604.290đ.

Nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số: 1187/2018/HĐTD ngày 24 tháng 08 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo:

- Nợ lãi trong hạn: 594.840.411đ.
- Nợ lãi quá hạn: 222.770.890đ.
- Nợ lãi chậm trả: 73.827.210đ.

Tổng nợ lãi của hai hợp đồng tín dụng là:

- Nợ lãi trong hạn: 3.241.681.095đ.
- Nợ lãi quá hạn: 718.261.863đ.
- Nợ lãi chậm trả: 838.431.501đ.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm (06/02/2025), bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến ngày thực tế trả hết nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu nôi nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", hợp đồng được giao kết giữa cá nhân không đăng ký kinh doanh với tổ chức tín dụng, mục đích vay vốn là để đóng tàu cá phục vụ khai thác thủy sản nên đây là tranh chấp dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C có nơi cư trú tại xã Đ, tỉnh Quảng Trị nên căn cứ quy định tại Điều 35 của Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C có mặt.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

* Xét yêu cầu thanh toán nợ theo Hợp đồng tín dụng:

Xét Hợp đồng tín dụng số: 259/2017/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2017, Hợp đồng tín dụng số: 1187/2018/HĐTD ngày 24 tháng 08 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo được ký bởi bên cho vay là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N với bên vay là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C đã thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia giao kết hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C đều thống nhất thừa nhận về việc ký kết Hợp đồng tín dụng và dư nợ phát sinh đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện và đến tại thời điểm phiên tòa là đúng thực tế. Theo đó, đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về số tiền nợ gốc*: Tại phiên tòa, đại diện của Ngân hàng N yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 06/02/2026 là 4.900.000.000 đồng. Xét thấy, việc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C có vay vốn tại Ngân hàng N với tổng số tiền 6.200.000.000 đồng là đúng thực tế, phù hợp các khế ước nhận nợ/Giấy nhận nợ/trả nợ. Quá trình vay vốn, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C đã thanh toán được số tiền nợ gốc 1.300.000.000 đồng. Như vậy, tính đến ngày 06/02/2026, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C vẫn còn nợ tính đến ngày 06/02/2026 số tiền gốc là: 4.900.000.000 đồng. Hội đồng xét xử cần buộc bà H và ông C thanh toán cho tính đến ngày 06/02/2026 số tiền nợ gốc theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp

- *Về số tiền nợ lãi*: Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số: 259/2017/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2017, Hợp đồng tín dụng số: 1187/2018/HĐTD ngày 24 tháng 08 năm 2018 và các Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng kèm theo được ký bởi bên cho vay là người đại diện hợp pháp của tính đến ngày 06/02/2026 với bên vay là bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C thuộc hợp đồng vay có thời hạn và có lãi, hai bên thỏa thuận về lãi suất tại các Hợp đồng tín dụng và sự thỏa thuận về lãi này phù hợp với quy định của pháp luật. Quá trình vay vốn, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C mới chỉ thanh toán được

số tiền nợ lãi trong hạn: 830.082.193 đồng. Tính đến ngày 06/02/2026, bà Hoa và ông Chiến còn nợ tiền lãi gồm:

- Nợ lãi trong hạn: 3.241.681.095đ.
- Nợ lãi quá hạn: 718.261.863đ.
- Nợ lãi chậm trả: 838.431.501đ.

Vì vậy, cần buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận về lãi suất mà các bên đã thỏa thuận.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 466 của Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải thanh toán cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến ngày 06/02/2026 là: là 9.698.374.459 đồng. Trong đó:

- Nợ gốc: 4.900.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 3.241.681.095đ.
- Nợ lãi quá hạn: 718.261.863đ.
- Nợ lãi chậm trả: 838.431.501đ.

Kể tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (06/02/2026), bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến ngày thực tế trả hết nợ.

* Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp:

Để bảo đảm cho việc vay vốn tại Ngân hàng N, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C đã dùng các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để đảm bảo thế chấp khoản vay, cụ thể tài sản thế chấp gồm:

Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số: 259/2017/HĐTD ngày 08 tháng 08 năm 2017 là: 01 Tàu cá vỏ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70347, số đăng ký QB-92977-TS do Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 17/7/2017 tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 259A/2017/HĐTC ngày 07 tháng 08 năm 2017 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 1875, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/8/2017, đăng ký giao dịch đảm bảo tại Đà Nẵng ngày 08 tháng 08 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 259/2018/HĐSĐBS-TC ngày 23 tháng 08 năm 2018; Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp tài sản số: 259D/2020/HĐSĐBS-HĐTC ngày 30 tháng 11 năm 2020.

Tài sản đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số: 1187/2018/HĐTD ngày 24 tháng 08 năm 2018 là: 01 bất động sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1187/2018/HĐTC ngày 24 tháng 08 năm 2018 và Văn bản thỏa thuận thế chấp tài sản bảo đảm tiền vay số: 1187/2018/VBTT ngày 24 tháng 08 năm 2018. Cụ thể: Thửa đất số 379, tờ bản đồ 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: BV362342, sổ vào sổ CH01060 do Ủy ban nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 24/3/2015, mang tên ông Nguyễn Văn Chiến – Bà Nguyễn Thị Hoa; Địa chỉ thửa đất tại: Xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: Xã Đ, tỉnh Quảng Trị). Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 1187/2018/HĐTC ngày 24 tháng 08 năm 2018 đã được công chứng tại Văn phòng công chứng Trung Sơn, số công chứng: 2736, quyển số 08 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2018, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 24/8/2018, cụ thể: Tại Điều 3 của hợp đồng thế chấp có nội dung: “Việc thế chấp tài sản của bên B để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bên

A có hiệu lực kể từ thời điểm ký hợp đồng này và hoàn thành xong thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm cho đến khi bên B hoàn thành tất cả nghĩa vụ đối với bên A theo các Hợp đồng tín dụng mà bên B ký với bên A trước, cùng và/hoặc sau thời điểm ký kết hợp đồng này và được dẫn chiếu bởi hợp đồng này; hoặc bên B có biện pháp bảo đảm khác thay thế được bên A chấp nhận”.

Xét thỏa thuận của các bên tại các Hợp đồng thế chấp tài sản và các Hợp đồng sửa đổi, bổ sung nêu trên đã ký kết giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký thế chấp hợp lệ nên phát sinh hiệu lực, ràng buộc quyền và nghĩa vụ của bên thế chấp và bên nhận thế chấp tài sản. Từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Trường hợp bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết để thu hồi nợ.

Trường hợp sau khi xử lý xong tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ thu hồi khoản nợ thì bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C vẫn phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ còn lại cho Ngân hàng N.

[2.2]. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 117.698.374 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 58.619.617 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000802 ngày 13/10/2025 của Cơ quan Thi hành án hình sự tỉnh Quảng Trị.

- Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí này Ngân hàng N đã nộp tạm ứng và chi phí đủ với tổng số tiền đã chi phí là 4.400.000 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng) nên bà H và ông C có nghĩa vụ nộp để hoàn trả lại cho Ngân hàng N.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 28, Điều 39; Điều 147, 157, 158, 271, 273 và Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 35 Luật sửa đổi bổ sung Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các điều 116, 117, 280, 299, 317, 318, 323, 385, 398, 401, 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng các điều: 100, 103, 209 và Điều 210 Luật tổ chức tín dụng năm 2024; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

- Áp dụng Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C phải trả cho Ngân hàng N số tiền nợ tính đến 06/02/2026 là 9.698.374.459 đồng (chín tỷ, sáu trăm chín mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi bốn nghìn, bốn trăm năm mươi chín đồng). Trong đó:

- Nợ gốc 4.900.000.000 đồng.
- Nợ lãi trong hạn: 3.241.681.095đ.
- Nợ lãi quá hạn: 718.261.863đ.
- Nợ lãi chậm trả: 838.431.501đ.

Kể tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (06/02/2026), bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho đến ngày thực tế trả hết nợ.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn C không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đã thế chấp là:

+ 01 Tàu cá vỏ gỗ theo Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 70347, số đăng ký QB - 92977-TS do Chi cục thủy sản Quảng Bình cấp ngày 12/7/2017, chủ tàu: Nguyễn Văn C tại Hợp đồng thế chấp tài sản số: 259A/2017/HĐTC ngày 07 tháng 08 năm 2017 để thu hồi nợ.

+ 01 thửa đất số 379, tờ bản đồ 01, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số phát hành: BV362342, số vào sổ CH01060 do Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình (cũ) cấp ngày 24/3/2015, mang tên ông Nguyễn Văn C – Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ thửa đất tại: xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là: xã Đ, tỉnh Quảng Trị) để thu hồi nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 117.698.374 đồng (một trăm mười bảy triệu, sáu trăm chín tám nghìn, ba trăm bảy mươi bốn đồng).

Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.619.617 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000802 ngày 13/10/2025 của Thi hành án hình sự tỉnh Quảng Trị.

- Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C phải chịu nộp chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 4.400.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng*) để hoàn trả cho Ngân hàng N.

Kể từ ngày Ngân hàng N có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền chi phí xem xét thẩm định tại sản thì bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C còn phải chịu thêm khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn C có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/02/2026) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực I- Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Phú Quảng